

KẾ HOẠCH
Phòng, chống bệnh Sốt xuất huyết 6 tháng cuối năm 2025

Căn cứ Luật phòng chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2025/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3711/QĐ-BYT ngày 19/9/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn giám sát và phòng, chống bệnh sốt xuất huyết Dengue;

Căn cứ Công văn số 7852/BTC-HCSN ngày 08/08/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn định mức chi các mục thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyên thành nhiệm vụ chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư 19/2025/TT-BYT ngày 15/6/2025 của Bộ Y tế về việc Quy định về phân định, phân cấp thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực phòng bệnh;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Thông tư số 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-BYT ngày 22/10/2024 của Bộ Y tế về Quyết định ban hành Kế hoạch Phòng chống bệnh truyền nhiễm năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2329/QĐ-SYT ngày 27/12/2024 của Sở Y tế Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Hoạt động phòng, chống dịch bệnh Sốt xuất huyết bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 13/KH-TTKSBT ngày 04/02/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định về Kế hoạch Hoạt động phòng, chống bệnh sốt xuất huyết Dengue tỉnh Bình Định năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 123/KH-KSBT-BTN ngày 13/2/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai (cũ) về Kế hoạch phòng, chống bệnh Sốt xuất huyết Dengue (SXHD) năm 2025;

Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của về việc quy định chế độ công tác phí chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.;

Căn cứ Quyết định số 2606 ngày 04/9/2025 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai các Hoạt động phòng, chống dịch bệnh Sốt xuất huyết bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025;

Đề đảm bảo các hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết Dengue (SXHD) trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong 6 tháng cuối năm 2025. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai (TTKSBT) xây dựng kế hoạch phòng chống SXHD trong 6 tháng cuối năm 2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Dân số:	3.171.801 người
- Số xã, phường:	135
- Tổng số Trung tâm Y tế (TTYT):	28
- Tổng số Trạm Y tế (TYT):	135

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Giảm tỷ lệ mắc bệnh SXHD, hạn chế đến mức thấp nhất tử vong do bệnh SXHD, triển khai các biện pháp khống chế kịp thời ổ dịch không để dịch lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Huy động tối đa các nguồn lực trong xã hội vào công tác phòng chống dịch. Đẩy mạnh sự tham gia của cộng đồng vào công tác phòng chống sốt xuất huyết Dengue.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tổ chức hiệu quả Chiến dịch vệ sinh môi trường - diệt lăng quăng/bọ gậy phòng, chống dịch bệnh và diệt lăng quăng/bọ gậy tại các ổ dịch SXHD.

- Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân về công tác phòng, chống bệnh SXHD.

- Giám sát chặt chẽ, phát hiện sớm và xử lý triệt để các ổ dịch theo đúng quy định của Bộ Y tế nhằm giảm số mắc và tử vong do bệnh SXHD.

- Bảo đảm công tác phân tuyến điều trị giảm quá tải bệnh viện tuyến tỉnh; thu dung, cấp cứu, điều trị kịp thời các trường hợp mắc bệnh SXHD, hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp biến chứng, tử vong.

- Bảo đảm hiệu quả hoạt động phối hợp liên ngành triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; Kiểm tra, giám sát các hoạt động phòng, chống dịch tại các địa phương.

- Đảm bảo kinh phí, thuốc, vật tư, hóa chất, nguồn lực, sẵn sàng đáp ứng kịp thời với các tình huống về dịch bệnh.

3. Chỉ tiêu chuyên môn

- Khống chế số mắc/100.000 dân do sốt xuất huyết Dengue <250/100.000 dân;

- Tỷ lệ chết/mắc do sốt xuất huyết $\leq 0,09\%$.
- Tỷ lệ bệnh nhân nghi sốt xuất huyết được chẩn đoán bằng xét nghiệm huyết thanh: $\geq 5\%$.
- Tỷ lệ bệnh nhân nghi sốt xuất huyết được phân lập vi rút: $\geq 3\%$.
- Duy trì hoạt động điều tra côn trùng hàng tháng tại tối thiểu 05 điểm đại diện do tỉnh quản lý và 01 điểm/Trung tâm Y tế quản lý.
- Số lần triển khai chiến dịch diệt lăng quăng/bọ gậy toàn tỉnh: ≥ 3 lần/năm.
- Tỷ lệ ổ dịch sốt xuất huyết được xử lý đúng quy trình chuyên môn và quy định thời gian: 100%.

III. ĐỊA BÀN TRIỂN KHAI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Địa bàn triển khai

- Tất cả các xã, phường (*sau đây gọi chung là xã*) trên địa bàn tỉnh.
- Căn cứ theo tình hình dịch bệnh SXHD chọn các xã trọng điểm, xã nguy cơ để triển khai các hoạt động phòng chống SXHD theo chỉ tiêu đã đề ra.

2. Thời gian thực hiện: Trong 6 tháng cuối năm 2025.

IV. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Các đơn vị tăng cường tham mưu Ban chỉ đạo Phòng chống dịch bệnh các tuyến trong việc thực hiện các chỉ tiêu chuyên môn và các hoạt động phòng, chống dịch sốt xuất huyết. Đưa chỉ tiêu phòng, chống dịch SXHD vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tăng cường hoạt động nhóm chuyên trách của cán bộ chuyên trách SXHD các tuyến.

- Tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa điều trị - dự phòng trong giám sát ca bệnh và huyết thanh vi rút.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể với sự chỉ đạo của các cấp chính quyền trong công tác triển khai chiến dịch diệt lăng quăng/bọ gậy. Có kế hoạch triển khai phối hợp thực hiện chiến dịch ngay từ đầu năm. Đặc biệt tăng cường vai trò chỉ đạo, tổ chức thực hiện của chính quyền cấp xã.

2. Công tác chuyên môn kỹ thuật

2.1. Hoạt động giám sát dịch tễ

- Bao gồm giám sát thường quy và giám sát chủ động.
- Giám sát thường quy được triển khai cho tất cả các xã của tỉnh.
- Giám sát chủ động được thực hiện tại các xã điểm của tỉnh.

a) Giám sát dịch tễ thường quy

Hoạt động giám sát được thực hiện tại các xã theo quy định tại Quyết định 3711/QĐ-BYT ngày 19/9/2014 của Bộ Y tế.

b) Giám sát dịch tễ chủ động tại các xã điểm

- Chọn xã, phường điểm

Mục đích: Triển khai các hoạt động giám sát dịch tễ chủ động, phun hóa chất diệt muỗi chủ động phòng chống SXHD.

Căn cứ tình hình dịch bệnh SXHD để lựa chọn các điểm thực hiện giám sát chủ động hàng tháng. Duy trì giám sát véc tơ thường xuyên tối thiểu 05 điểm do tỉnh quản lý và ít nhất 01 điểm/01 Trung tâm Y tế quản lý.

Ngoài ra, tại Gia Lai Đông căn cứ tình hình dịch SXHD của các xã để lựa chọn 14 điểm triển khai hoạt động giám sát và phun hóa chất diệt muỗi chủ động.

- Nội dung hoạt động

+ Giám sát ca bệnh: Tất cả các ca bệnh SXHD được các cơ sở điều trị trong và ngoài tỉnh báo cáo trên phần mềm báo cáo bệnh truyền nhiễm đều phải được đơn vị y tế dự phòng thực hiện giám sát, điều tra tại cộng đồng, đảm bảo 100% số ca mắc được giám sát và báo cáo theo quy định; xác minh và khoanh vùng ổ dịch, triển khai các hoạt động xử lý kịp thời (Y tế dự phòng thuộc Trung tâm Y tế và Trạm Y tế xã thực hiện). Thực hiện nghiêm túc chế độ thống kê báo cáo số mắc, chết do SXHD theo lứa tuổi và phân độ lâm sàng, tuân thủ nghiêm thông tư 54/2015/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 28/12/2025 về hướng dẫn chế độ thông tin, báo cáo và khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm.

+ Giám sát huyết thanh, vi rút: Thực hiện lấy mẫu xét nghiệm huyết thanh và phân lập vi rút theo chỉ tiêu đề ra (Tỷ lệ bệnh nhân nghi sốt xuất huyết được chẩn đoán bằng xét nghiệm huyết thanh: $\geq 5\%$ và tỷ lệ bệnh nhân nghi sốt xuất huyết được phân lập vi rút: $\geq 3\%$). Thực hiện thu thập đều đặn theo thời gian trong năm và phân bố đều ở các địa phương trong tỉnh, tập trung vào đầu mùa dịch nhằm phát hiện sớm những trường hợp mắc bệnh. Bộ phận y tế dự phòng thuộc Trung tâm Y tế phụ trách thu thập mẫu các trường hợp nhập viện tại Trung tâm Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thu thập mẫu các trường hợp nhập viện tại các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh trên địa bàn. Mẫu bệnh phẩm gửi về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật để thực hiện xét nghiệm Mac-Elisa hoặc chuyển Viện Pasteur Nha Trang/Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên thực hiện phân lập vi rút.

+ Giám sát véc tơ truyền bệnh:

Duy trì giám sát véc tơ thường xuyên tối thiểu 05 điểm do tỉnh quản lý và ít nhất 01 điểm/01 Trung tâm Y tế quản lý. Thực hiện giám sát muỗi trưởng thành và lăng quăng/bọ gậy hàng tháng tại các xã điểm để tính chỉ số véc tơ, xác định vùng nguy cơ và đề xuất các biện pháp can thiệp kịp thời.

Điều tra ổ bọ gậy nguồn (2 lần/năm) tại các xã điểm để xác định các dụng cụ chứa nước có bọ gậy chính tại các địa bàn nhằm xây dựng kế hoạch tuyên truyền và triển khai diệt lăng quăng/bọ gậy.

2.2. Triển khai chiến dịch vệ sinh môi trường, diệt lăng quăng/bọ gậy

- Xây dựng kế hoạch thực hiện ít nhất 03 đợt chiến dịch lớn vệ sinh môi trường, diệt lăng quăng bọ gậy. Nhằm làm giảm nơi sinh sản của véc tơ truyền bệnh, đặc biệt trước khi tiến hành chiến dịch phun hóa chất diệt muỗi chủ động.

- Chính quyền cấp xã là người trực tiếp triển khai các hoạt động diệt lăng quăng/bọ gậy; huy động sự tham gia của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội, và đặc biệt là sự tham gia của hộ gia đình. Xây dựng mô hình diệt lăng quăng/bọ gậy có hiệu quả, bền vững tại địa phương để nhân rộng mô hình trên địa bàn trong tỉnh. Các chiến dịch cần có kế hoạch cụ thể, phân công trách nhiệm, công việc cụ thể của các thành viên tham gia.

2.3. Triển khai chiến dịch phun hóa chất diệt muỗi chủ động

a) Nội dung hoạt động

Chủ động triển khai phun hóa chất diệt muỗi kết hợp với chiến dịch diệt bọ gậy ngay từ đầu mùa dịch nhằm ngăn chặn nguy cơ bùng phát theo quy định tại Quyết định số 3711/QĐ-BYT ngày 19/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

b) Cách thức thực hiện

- Trung tâm Y tế phối hợp với các Trạm Y tế xã tiến hành giám sát dịch tễ, véc tơ để phát hiện các xã phường có nguy cơ xảy dịch để tiến hành phun hóa chất theo đúng chỉ định tại Quyết định số 3711/QĐ-BYT ngày 19/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Huy động sự tham gia của các cấp Chính quyền, Ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội, người dân trong cộng đồng tham gia chiến dịch vệ sinh môi trường diệt lăng quăng/bọ gậy trước phun và phun hóa chất chủ động.

- Ngoài ra những xã không có trong kế hoạch phun chủ động nhưng khi giám sát, phát hiện có các chỉ số vượt trên ngưỡng an toàn theo quy định của Bộ Y tế cần chỉ định phun thì thực hiện phun theo quy định.

- Huy động sự tham gia của các cấp Chính quyền, Ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội, người dân trong cộng đồng.

2.4. Hoạt động xử lý dịch

a) Nội dung hoạt động:

Khi xác định địa điểm và phạm vi ổ dịch SXHD đang hoạt động tại địa phương. Căn cứ kết quả điều tra véc tơ truyền bệnh tiến hành phun hóa chất diệt muỗi sau khi vệ sinh môi trường để loại bỏ triệt để véc tơ truyền bệnh nhằm không chế ổ dịch hạn chế tối đa số ca mắc và tử vong do SXHD.

b) Cách thực hiện:

- Trung tâm Y tế phối hợp với Trạm Y tế xây dựng kế hoạch phun hóa chất cho từng ổ dịch nhỏ (phạm vi bán kính 200 m) hoặc kết hợp nhiều ổ dịch trên diện rộng (khi dịch lớn bùng phát trong cùng thời gian): Triển khai phun hóa chất theo

quy trình 07 bước theo hướng dẫn tại Quyết định 3711/QĐ-BYT ngày 19/9/2014 của Bộ Y tế.

- Trung tâm Y tế phối hợp với Trạm Y tế trình kế hoạch để chính quyền địa phương chỉ đạo và hỗ trợ công phun, xảng nhớt, phân công người dẫn đường, phân công nhiệm vụ cho các trưởng phó thôn, các công tác viên y tế, hội phụ nữ, đoàn thanh niên cán bộ địa phương ... cùng tham gia vào công tác xử lý ổ dịch.

- Tiến hành phun hóa chất sau khi đã triển khai các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt lăng quăng bọ gậy tại các hộ gia đình sinh sống trong phạm vi ổ dịch.

- Trung tâm Y tế phối hợp với Trạm Y tế phải chuẩn bị sẵn sàng máy phun đeo vai (máy ULV) và hóa chất diệt muỗi và lập đội phun hóa chất trước khi triển khai. Đảm bảo khi triển khai đúng quy trình và kỹ thuật phun theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

2.5. Đào tạo, tập huấn cao trình độ chuyên môn

a) Nội dung hoạt động

Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực phòng chống SXHD cho cán bộ tham gia hoạt động PC SXHD: Về giám sát dịch tễ, định loại côn trùng truyền bệnh, chẩn đoán điều trị, phun hóa chất và giám sát, xử lý dịch sốt xuất huyết cho đội ngũ cán bộ y tế các tuyến khu vực và tuyến xã.

Đảm bảo 100% cán bộ phòng, chống sốt xuất huyết các tuyến được đào tạo và ưu tiên cán bộ mới tiếp nhận nhiệm vụ hoặc cập nhật những quy định, kiến thức mới khi cần thiết.

b) Cách thực hiện:

TTKSBT cơ sở 2 tổ chức 01 lớp tập huấn công tác phòng chống SXHD cho cán bộ y tế tuyến tỉnh, khu vực: Học viên 58 cán bộ làm công tác SXHD tại 17 TTYT khu vực, 07 cán bộ y tế của TTKSBT và các bệnh viện trên địa bàn.

17 TTYT các khu vực thuộc tại Gia Lai Tây (tỉnh Gia Lai cũ) tổ chức mỗi TTYT 01 lớp tập huấn cho cán bộ y tế tuyến khu vực và tuyến xã từ nguồn kinh phí hoạt động PC SXHD được Sở Y tế cấp từ đầu năm 2025:

2.6. Truyền thông phòng, chống sốt xuất huyết

- Đẩy mạnh công tác truyền thông phòng chống sốt xuất huyết sâu rộng trong cộng đồng, đặc biệt ở các địa phương có diễn biến dịch phức tạp, các thời điểm dịch bệnh tăng cao (mùa dịch).

- Phối hợp tổ chức các đợt truyền thông lưu động trong chiến dịch diệt bọ gậy và phun hóa chất diệt muỗi chủ động phòng, chống sốt xuất huyết và các đợt xử lý ổ dịch.

- Xây dựng các tài liệu truyền thông phù hợp tại các địa phương; chủ động, thường xuyên cung cấp thông tin kịp thời và chính xác về tình hình dịch bệnh, phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng, hệ thống thông tin và truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, khuyến cáo phòng, chống dịch bệnh SXHD.

- Phối hợp các ban, ngành, đoàn thể truyền thông, vận động thực hiện các biện pháp phòng, chống sốt xuất huyết tại cộng đồng.

2.7. Bảo đảm trang thiết bị, vật tư, hóa chất, thuốc phòng, chống dịch

- Chuẩn bị sẵn sàng thuốc, hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán huyết thanh và các phương tiện đáp ứng các tình huống dịch bệnh.

- TTKSBT tổng hợp tình hình thực trạng sử dụng máy móc, vật tư, hóa chất năm 2025 từ đó tính toán nhu cầu sửa chữa, mua mới máy phun, vật tư, hóa chất từ các đơn vị trên địa bàn trong thời gian tới. TTKSBT dự toán kinh phí, tổ chức mua sắm từ nguồn kinh phí hoạt động phòng chống sốt xuất huyết 6 tháng cuối năm 2025 và phân bổ theo nhu cầu các địa phương.

- TTYT các khu vực tổng hợp tình hình thực trạng sử dụng máy móc, vật tư, hóa chất năm 2025 từ đó tính toán nhu cầu sửa chữa, mua mới máy phun, vật tư, hóa chất tại đơn vị trong thời gian tới. TTYT các khu vực thực hiện đấu thầu, tổ chức mua sắm máy phun, hóa chất từ nguồn kinh phí hoạt động PC SXHD được Sở Y tế cấp từ đầu năm 2025.

- TTYT phối hợp với Trạm Y tế xã, phường theo dõi và dự báo tình hình dịch bệnh SXHD tại địa phương từ đó tổng hợp và dự trù nhu cầu hóa chất, số lượng máy phun, các trang thiết bị vật tư phục vụ công tác PC SXHD gửi về TTKSBT tổng hợp.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí dự kiến triển khai trong 6 tháng cuối năm 2025: 5.448.237.290 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi đồng).

*Lưu ý: Trong giai đoạn chuyển tiếp, các nội dung hoạt động đơn vị đã thực hiện triển khai theo các nội dung thuộc các Kế hoạch cũ (đã được Sở Y tế tỉnh Bình Định và Sở Y tế tỉnh Gia Lai phê duyệt trước khi sắp xếp, tổ chức lại bộ máy) trước thời điểm Kế hoạch này ban hành thì được phép tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành. Việc thanh toán cho các hoạt động này được thực hiện theo đúng nội dung và dự toán đã được phê duyệt tại các Kế hoạch cũ đó.

(Chi tiết dự toán kinh phí cho các hoạt động 6 tháng cuối năm 2025 tại các Phụ lục kèm theo)

2. Ngoài nguồn kinh phí được cấp đã nêu trên, Trạm Y tế xây dựng triển khai các hoạt động phòng, chống SXHD trên địa bàn và báo cáo chính quyền địa phương hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

- Là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai và hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai các hoạt động theo nội dung Kế hoạch được phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí và thực hiện việc chi tiêu theo đúng chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện.

- Kiểm tra, giám sát chuyên môn, hướng dẫn cho tuyến dưới và theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình triển khai các hoạt động của các đơn vị trên địa bàn tỉnh; kịp thời báo cáo, tham mưu đề xuất các giải pháp thực hiện đảm bảo đạt các mục tiêu đề ra.

- Là đầu mối chuyên môn, hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông, phòng chống sốt xuất huyết trong năm.

- Chỉ đạo triển khai hoạt động diệt lăng quăng/bọ gậy và phun hóa chất chủ động tại các địa phương. Bố trí máy phun hóa chất công suất lớn hỗ trợ các địa phương triển khai xử lý trên diện rộng.

- Cung cấp hóa chất diệt muỗi, hóa chất diệt bọ gậy theo kế hoạch của các đơn vị, đáp ứng kịp thời hoạt động xử lý dịch và tổ chức các chiến dịch diệt lăng quăng/bọ gậy và phun hóa chất diệt muỗi chủ động phòng, chống sốt xuất huyết.

- Thực hiện thống kê, báo cáo kết quả hoạt động phòng chống sốt xuất huyết và báo cáo khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm theo Thông tư 54/2015/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Tổng hợp, thống kê, báo cáo kết quả các hoạt động, tiến độ giải ngân kinh phí định kỳ hàng quý và báo cáo năm (Thời điểm báo cáo các quý là trước ngày 10 của tháng sau liền kề, báo cáo năm về Sở Y tế trước ngày 15/12/2025).

2. Trung tâm Y tế

- Xây dựng kế hoạch triển khai Hoạt động phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết trong 6 tháng cuối năm 2025 tại địa phương quản lý trên cơ sở Kế hoạch chung của tỉnh, đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai các hoạt động nhằm duy trì kết quả đã đạt được.

- Phối hợp với Trạm Y tế triển khai các hoạt động xử lý ổ dịch và phun chủ động tại các điểm nguy cơ cao.

- Triển khai chiến dịch diệt lăng quăng/bọ gậy và phun hóa chất diệt muỗi chủ động phòng, chống sốt xuất huyết trên địa bàn. Tổ chức giám sát các chiến dịch diệt lăng quăng/bọ gậy và phun hóa chất diệt muỗi chủ động phòng, chống sốt xuất huyết tại các xã điểm. Tăng cường giám sát, phát hiện và xử lý sớm, triệt để các ổ dịch sốt xuất huyết.

- Tiếp tục thực hiện giám sát bệnh nhân, thu thập mẫu huyết thanh – vi rút của bệnh nhân nghi mắc sốt xuất huyết điều trị tại Trung tâm Y tế, điều tra véc tơ định kỳ hàng tháng tại các xã do Trung tâm Y tế quản lý, đảm bảo chỉ tiêu đề ra. Giám sát chỉ số véc tơ tại các điểm xử lý ổ dịch, đảm bảo các hoạt động triển khai hiệu quả.

- Căn cứ tình hình dịch bệnh trên địa bàn để phối hợp với Trạm Y tế tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm chủ động phòng chống sốt xuất huyết trước mùa dịch và phát huy vai trò của chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, người dân tích cực tham gia vào công tác phòng, chống sốt xuất huyết.

- Chỉ đạo các Trạm Y tế chủ động tham mưu cho UBND xã/phường trong việc huy động sự tham gia tích cực của các ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội tại địa phương để triển khai chiến dịch diệt lăng quăng/bọ gây đạt hiệu quả.

- Truyền thông phòng chống sốt xuất huyết tại cộng đồng, trường học, đa dạng các loại hình truyền thông để nâng cao kiến thức của người dân về bệnh sốt xuất huyết và các biện pháp phòng bệnh.

- Dự trữ, đảm bảo đủ thuốc, hóa chất, vật tư phục vụ các hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết; Quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng quy định của Nhà nước. Thực hiện thanh quyết toán kinh phí kịp thời.

- Thực hiện công tác đầu thầu mua sắm hóa chất và máy phun hóa chất từ nguồn kinh phí do Sở Y tế cấp từ đầu năm 2025.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các hoạt động trên địa bàn và thống kê báo cáo kết quả hoạt động theo quy định.

- Thực hiện thống kê, báo cáo kết quả hoạt động phòng chống sốt xuất huyết và báo cáo khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm theo Thông tư 54/2015/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Chỉ đạo các Trạm Y tế:

- + Xây dựng kế hoạch triển khai Hoạt động phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết 6 tháng cuối năm 2025 tại địa phương sau khi sát nhập đơn vị hành chính trên cơ sở Kế hoạch chung của tỉnh, đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai các hoạt động nhằm duy trì kết quả đã đạt được.

- + Tham mưu với Chính quyền địa phương bố trí kinh phí để triển khai các hoạt động xử lý ổ dịch và phun chủ động tại các điểm nguy cơ cao. Dựa trên kinh phí địa phương lập kế hoạch bổ sung, hỗ trợ triển khai các hoạt động đạt hiệu quả.

- + Căn cứ tình hình dịch bệnh trên địa bàn để tham mưu UBND xã tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm chủ động phòng chống sốt xuất huyết trước mùa dịch và phát huy vai trò của chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, người dân tích cực tham gia vào công tác phòng, chống sốt xuất huyết, đặc biệt là công tác diệt lăng quăng/bọ gây tại cộng đồng.

- + Truyền thông phòng chống sốt xuất huyết tại cộng đồng. Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội, cơ quan, đơn vị, công trường, trường học tại địa phương nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả các hoạt động phòng chống sốt xuất huyết.

- + Thực hiện thống kê, báo cáo kết quả hoạt động phòng chống sốt xuất huyết và báo cáo khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm theo Thông tư 54/2015/TT-BYT của Bộ Y tế.

4. Các cơ sở khám chữa bệnh đóng trên địa bàn

- Thực hiện tốt công tác thu dung bệnh nhân, điều trị kịp thời, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển nặng, tử vong và thực hiện tốt vệ sinh môi trường không để lây nhiễm chéo trong các cơ sở y tế.

- Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 về việc hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm, SXHD. Báo cáo ngay cho TTKSBT khi ghi nhận ca bệnh SXHD nặng và tử vong tại các cơ sở điều trị.

Trên đây là Kế hoạch triển khai các Hoạt động phòng, chống dịch sốt xuất huyết bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Cục Phòng bệnh, Viện Pasteur Nha Trang, Viện VSDT Tây Nguyên (Để báo cáo);
- Sở Y tế (Báo cáo);
- TTYT các khu vực trên địa bàn tỉnh (Thực hiện);
- Các cơ sở khám chữa bệnh đóng trên địa bàn (Phối hợp);
- Lưu: VT, PCBTN, KST-CT.



Nguyễn Thanh Truyền

Phụ lục
TỔNG HỢP KINH PHÍ
Hoạt động phòng, chống dịch bệnh Sốt xuất huyết
bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 tại tỉnh Gia Lai

DVT: Đồng

STT	Nội dung chi	Kinh phí đã giao năm 2025	Đã thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025		
				Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm
	TỔNG CỘNG	5.662.782.000	214.544.710	5.448.237.290	441.548.000	5.006.689.290
1	Mua Kít xét nghiệm phục vụ giám sát huyết thanh SXH	30.000.000	0	30.000.000		30.000.000
2	Mua hóa chất diệt muỗi + hóa chất diệt bọ gậy	1.956.208.500		1.956.208.500	106.608.000	1.849.600.500
3	Mua máy phun hóa chất ULV + bộ phun ULV.	297.000.000	33.000.000	264.000.000	75.950.000	188.050.000
4	Xăng, nhớt hoạt động phun hóa chất ô dịch + phun chủ động.	658.800.000	8.566.660	650.233.340	0	650.233.340
5	Công tác phí, thuê phòng nghỉ, xăng xe cho cán bộ đi công tác và phụ cấp chống dịch SXHD	599.455.000	59.774.201	539.680.799	11.870.000	527.810.799
6	Tập huấn SXHD cho cán bộ y tế tuyến khu vực, xã	124.318.500	41.382.320	82.936.180		82.936.180

7	Xử lý ổ dịch sốt xuất huyết Dengue và vệ sinh môi trường diệt lăng quăng bọ gậy	1.947.000.000	71.821.529	1.875.178.471	247.120.000	1.628.058.471
8	Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán SXH (25.000đ x 2.000 mẫu huyết thanh)	50.000.000	0	50.000.000		50.000.000

Phụ lục II
CHI TIẾT KINH PHÍ
Hoạt động phòng, chống dịch bệnh Sốt xuất huyết
bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 tại Gia Lai

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
	TỔNG CỘNG	5.448.237.290	441.548.000	5.006.689.290	
	GIA LAI ĐỒNG	1.791.900.472	0	1.791.900.472	
1	Mua Kít xét nghiệm phục vụ giám sát huyết thanh SXHD (5 hộp x 6.000.000 đ)	30.000.000	0	30.000.000	- TTLT 09/2014/TTLT-BYT-BTC. Điều 3 mục 3 điểm b.
2	Mua hóa chất diệt muỗi: 1.781 lít (1.781 lít x 530.000 đ/lít)	943.930.000	0	943.930.000	
3	Mua hóa chất diệt bọ gậy: (3.077 chai 100gr x 20.500 đ/chai)	63.078.500	0	63.078.500	
4	Xăng, nhớt hoạt động phun hóa chất: Xăng, nhớt hoạt động phun hóa chất ổ dịch: (dự kiến 281 ổ dịch): + Kinh phí xăng, nhớt chạy máy phun hóa chất mang vai ổ dịch: 281 ổ dịch x 02 đợt x 03 máy x 6 h/ngày/máy x 1,5 lít/giờ x 25.000 đ/lít. + Kinh phí xăng xe cho cán bộ giám sát phun hóa chất ổ dịch: 281 ổ dịch x 02 đợt x 01 lít/xe/ngày x 3 xe x 25.000đ/lít. Xăng, nhớt hoạt động phun hóa chất chủ động (số xã = 14 xã):	650.233.340	0	650.233.340	- Chi theo thực tế

	+ Kinh phí xăng 01 xe ô tô phun hóa chất các xã điểm: 14 xã (1.000 km) x 10,5 lít/100 km x 1,3 xe phun đi chậm x 02 đợt x 02 ngày/đợt x 25.000 đ/lít + xăng xe phun đi đến điểm phun 1.400 km x 10,5 lít/100 km x 2 đợt x 25.000 đ/lít. + Kinh phí xăng và nhớt chạy máy phun 0hóa chất lớn đặt trên xe ô tô: 14 xã x 02 đợt x 02 ngày/đợt x 7 lít/h x 6h/ngày x 25.000 đ/lít. + Kinh phí xăng, nhớt chạy máy phun hóa chất mang vai nơi xe ô tô không đi được: 14 xã x 02 đợt x 05 máy x 05 ngày/đợt x 6h/ngày x 1,5 lít/h x 25.000 đ/lít.				
6	Công tác phí, thuê phòng nghỉ, xăng xe cho cán bộ đi công tác và phụ cấp chống dịch: - Công tác phí, lưu trú và xăng xe đi giám sát: + Công tác phí + lưu trú xã dưới 50km: (10 ngày ở lại x 03 người x 200.000 ngày) + (15 ngày đi về trong ngày x 03 người x 150.000 đ/ngày) + (10 đêm x 03 người x 300.000 đ/đêm) + Công tác phí + lưu trú xã trên 50km: (10 ngày ở lại x 03 người x 300.000 ngày) + (15 ngày đi về trong ngày x 03 người x 200.000 đ/ngày) + (10 đêm x 03 người x 300.000 đ/đêm) + Kinh phí xăng xe: 55 ngày x 81,75 km/xã x (16,8 lít/100 km định mức) x 25.000 đ/lít. - Công tác phí và lưu trú cán bộ giám sát phun chủ động + lái xe: + Công tác phí xã dưới 50km: (05 xã dưới 50km x 02 ngày/xã x 02 người x 200.000 ngày) + (05 xã x 01 đêm/xã x 02 người x 300.000 đ/đêm) + Công tác phí và lưu trú xã trên 50km: (09 xã x 02 ngày/xã x 02 người x 300.000 ngày) + (09 xã x 01 đêm/xã x 02 người x 300.000 đ/đêm)	103.164.439	0	103.164.439	- QĐ 52/QĐ-TTKSBT ngày 27/8/2025 về quy chế chi tiêu nội bộ 6 tháng cuối năm 2025. - QĐ 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Điều 3, Khoản 1, điểm a.

	- Phụ cấp chống dịch khi giám sát, điều tra, xác minh dịch SXH (giám sát bệnh nhân, huyết thanh; giám sát véc tơ, giám sát và xử lý hóa chất SXH tại ổ dịch (3 người/ngày x 01 ngày/ổ dịch x 41 ổ dịch/năm x 100.000đ/người/ngày).				
7	Tập huấn hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh SXH tại An Nhơn, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, An Lão: + Xăng xe đi lại: 570 km x (16,8 lít/100 km định mức) x 25.000 đ/lít. + Công tác phí: 05 người x (03 khu vực x 100.000đ/người/ngày + 01 An Lão x 120.000đ/người/ngày). + Báo cáo viên: 04 ngày x 1.500.000đ/ngày. + Photo tài liệu tập huấn: 23.000đ/người x 110 người (02 cán bộ tuyên xã x 49 xã + 03 cán bộ TTYT x 04 huyện). + Giải khát giữa giờ: 40.000đ/người x 110 người (02 cán bộ tuyên xã x 49 xã + 03 cán bộ TTYT x 04 khu vực)	1.494.193	0	1.494.193	- TT 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính. Điều 2. Điều 3, khoản 1. Điều 5, khoản 2.
GIA LAI TÂY		3.656.336.818	441.548.000	3.214.788.818	
1	Công tác phí đi hỗ trợ, giám sát các hoạt động thuộc chương trình PC SXHD: Công tác phí, tiền thuê phòng nghỉ đi các TTYT Khu vực và các xã, phường có khoảng cách từ cơ quan từ 15 đến dưới 50 Km: + Phụ cấp công tác phí cho tuyến tỉnh 200.000đ x 2 ngày x 3 người x 6 khu vực/xã x 2 đợt/năm. 14.400.000 + Khoán ngủ cho tuyến tỉnh (300.000đ x 1 đêm) x 3 người x 6 khu vực/xã x 2 đợt/năm. 10.800.000.	149.216.360	2.670.000	146.546.360	Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai. Chương II, điều 5, khoản 2. Chương II, điều 6, khoản 1, mục b.

	Công tác phí, tiền thuê phòng nghỉ đi các TTYT Khu vực và các xã, phường có khoảng cách từ cơ quan từ 50 Km trở lên: + Phụ cấp công tác phí cho tuyến tỉnh 300.000đ x 2 ngày x 3 người x 11 khu vực/xã x 2 đợt/năm. + Khoán ngủ cho tuyến tỉnh (300.000đ x 1 đêm) x 3 người x 11 khu vực/xã x 2 đợt/năm. + Xăng xe chống dịch cho tuyến tỉnh (15 khu vực x 189,5 Km/huyện x 21 lít/100km x 2 đợt Khoảng 1194 lít x 30.000 đ/lít. + Phụ cấp công tác phí cho tuyến khu vực (200.000đ x 2 ngày) x 2 người x 17 khu vực x 2 đợt/năm). + Xăng xe chống dịch cho tuyến khu vực (17 khu vực x 120Km/khu vực x 0,21 lít/100km x 2 đợt = 857 lít x 30.000 đ/lít.				
2	Chế độ Phụ cấp chống dịch cho người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, tham gia chống dịch SXHD (nhóm B): + Phụ cấp cho người tham gia chống dịch SXHD (nhóm B) cho tuyến tỉnh (100.000đ x 2 ngày x 3 người x 17 huyện x 4 đợt/năm). + Phụ cấp vào người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, tham gia chống dịch SXH (nhóm B) cho tuyến khu vực, xã (100.000đ x 4 ngày x 2 người x 12 huyện x 20 đợt/năm).	287.300.000	9.200.000	278.100.000	- Theo Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Điều 3, Khoản 1, điểm a.
3	Tập huấn cho cán bộ y tế tuyến khu vực, xã: <i>3.1. Tỉnh tập huấn tuyến khu vực (1 lớp x 17 khu vực x 2 ngày x 3 người + 7 người):</i> + Giảng viên (1000.000đ x 4 buổi). + Tài liệu, văn phòng phẩm (40.000đ) x (3 người x 17 khu vực + 7 người). + Nước uống (15,000đ x 4 buổi) x (3 người x 17 khu vực + 7 người).	81.441.987	0	81.441.987	Theo Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Gia Lai. Điều 1, khoản 1, điểm d, e.

	+ Hội trường trang trí, maker (450.000 đ). 3.2. Huyện tập huấn tuyến xã (1 lớp x 17 khu vực (77 TYT xã và 141 điểm Trạm Y tế) x 2 ngày x 2 người/xã)+5 người mỗi khu vực: + Giảng viên (500,000đ x 17 khu vực x 4 buổi). + Nước uống (10.000đ x (4 buổi x 2 người x (77 TYT xã và 141 điểm Trạm Y tế)+ 5 người x 17 khu vực*4 buổi)). + Tài liệu, văn phòng phẩm (40,000đ) x (2 người x (77 TYT xã và 141 điểm Trạm Y tế) + 5 người x 17 khu vực). + Hội trường (Make) 500.000đ x 17 khu vực).				
4	Xử lý ổ dịch sốt xuất huyết Dengue và vệ sinh môi trường diệt lăng quăng bọ gậy: + Dự toán công thuê ngoài, chi hỗ trợ người trực tiếp phun hóa chất diệt muỗi: Dự kiến tiền công: 199.000đ/người/ngày (4 người x 1ngày/đợt x 2 đợt (4 người/2 máy) (dự kiến 550 ổ dịch quy mô thôn làng trên địa bàn tỉnh). Định mức tính theo số công phun trên ngày tối đa không vượt quá định mức 1,5 ngày lương tối thiểu vùng/ngày). + Tiền xăng chạy máy phun theo hóa chất: 3,6 lít/1 lít HC/2 máy/ổ x 2 đợt/ổ x 550 ổ dịch x 4 lít HC/ ổ dịch = 7920 lít x 25.000 đ/lít. + Tiền nhớt pha theo tỷ lệ cho máy phun 26,4 lít xăng hết 1 lít nhớt (6.600 lít xăng/26,4 = 300 lít nhớt x 100.000 đ/lít). + Dự toán công thuê ngoài, chi trả công cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch VSMT và kết hợp xử lý ổ dịch. 129.000 đồng/người/ngày. Bình quân: 12 công/thôn x 550 điểm thôn/2.417 thôn. (định mức tính theo	1.875.178.471	247.120.000	1.628.058.471	- Nghị quyết số 57/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai. Điều 2 khoản 7, điểm b.

	số hộ gia đình được trực tiếp thực hiện với mức 3000 đồng/hộ gia đình tối đa không vượt quá định mức 01 ngày lương tối thiểu vùng/ngày).				
5	Mua máy phun hóa chất + bộ phun ULV. Giá trung bình 15.000.000 đồng/máy ULV (máy động cơ quạt gió) + bộ phun ULV giá trung bình (1.500.000 đồng).	264.000.000	75.950.000	188.050.000	- Thanh toán theo chứng từ thực tế.
6	Mua hóa chất diệt muỗi truyền bệnh SXHD: 1.356 lít x 700.000/chai/01 lít. (thuốc phun chống dịch áp dụng cho kỹ thuật phun ULV. Phun không gian	949.200.000	106.608.000	842.592.000	
7	Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán SXHD (25.000đ x 2.000 mẫu huyết thanh)	50.000.000	0	50.000.000	- Nghị quyết số 57/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai. Điều 2 khoản 7, điểm a.

Phụ lục III
Phân bổ kinh phí hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2025 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2025
tại tỉnh Gia Lai

ĐVT: đồng

STT	Đơn vị	Dự toán 2025	Đã thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025		
				Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm
	TỔNG CỘNG	5.662.782.000	214.544.710	5.448.237.290	441.548.000	5.006.689.290
	GIA LAI ĐỒNG	1.836.827.000	44.926.528	1.791.900.472	0	1.791.900.472
1	TTYT Quy Nhơn	75.000.000	0	75.000.000	0	75.000.000
2	TTYT Tuy Phước	56.250.000	1.228.800	55.021.200	0	55.021.200
3	TTYT An Nhơn	56.250.000	0	56.250.000	0	56.250.000
4	TTYT Phù Cát	56.250.000	3.792.000	52.458.000	0	52.458.000
5	TTYT Phù Mỹ	63.750.000	3.335.360	60.414.640	0	60.414.640
6	TTYT Hoài Nhơn	67.500.000	0	67.500.000	0	67.500.000
7	TTYT Hoài Ân	41.250.000	210.500	41.039.500	0	41.039.500
8	TTYT Tây Sơn	67.500.000	0	67.500.000	0	67.500.000
9	TTYT Vân Canh	26.250.000	0	26.250.000	0	26.250.000

10	TTYT Vĩnh Thạnh	48.750.000	0	48.750.000	0	48.750.000
11	TTYT An Lão	20.250.000	0	20.250.000	0	20.250.000
12	TTKSBT	1.257.827.000	36.359.868	1.221.467.132	0	1.221.467.132
	GIA LAI TÂY	3.825.955.000	169.618.182	3.656.336.818	441.548.000	3.214.788.818
13	TTYT Chư Pưh	207.615.000	10.166.400	197.448.600	76.290.000	121.158.600
14	TTYT Chư Păh	172.865.000	321.280	172.543.720	64.608.000	107.935.720
15	TTYT Chư Prông	130.925.000	25.060.000	105.865.000	0	105.865.000
16	TTYT Chư Sê	260.775.000	1.303.400	259.471.600	0	259.471.600
17	TTYT Đăk Đoa	228.195.000	6.545.000	221.650.000	60.400.000	161.250.000
18	TTYT Đăk Pơ	223.505.000	4.643.013	218.861.987	0	218.861.987
19	TTYT Đức Cơ	259.725.000	0	259.725.000	61.920.000	197.805.000
20	TTYT Ia Grai	227.355.000	0	227.355.000	0	227.355.000
21	TTYT Ia Pa	226.515.000	5.569.000	220.946.000	0	220.946.000
22	TTYT K Bang	251.555.000	0	251.555.000	22260000	229.295.000
23	TTYT Kông Chro	180.965.000	0	180.965.000	0	180.965.000

24	TTYT Krông Pa	183.765.000	25.961.700	157.803.300	43.450.000	114.353.300
25	TTYT Mang Yang	191.345.000	0	191.345.000	46.440.000	144.905.000
26	TTYT Phú Thiện	132.525.000	0	132.525.000	0	132.525.000
27	TTYT Plei Ku	334.695.000	220.029	334.474.971	66.180.000	268.294.971
28	TTYT AYun Pa	231.055.000	4.652.000	226.403.000	0	226.403.000
29	TTYT An Khê	204.835.000	57.590.000	147.245.000	0	147.245.000
30	TTKSBT	177.740.000	27.586.360	150.153.640	0	150.153.640